

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI-BỘ TÀI CHÍNH
Số: 3/TT-LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 1991

THÔNG TƯ

LIÊN BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - TÀI CHÍNH

Hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp cho công nhân, viên chức hành chính sự nghiệp và các đối tượng hưởng chính sách xã hội

Thi hành quyết định số 129/HĐBT ngày 20-4-1991 của Hội đồng Bộ trưởng về trợ cấp cho công nhân, viên chức hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang và các đối tượng hưởng chính sách xã hội, sau khi trao đổi ý kiến với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên Bộ Lao động - Thương binh và xã hội - Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Đối tượng, cách tính và nguồn chi trả: Khoản trợ cấp này thực hiện như quy định tại Thông tư số 9/TT-LB ngày 10-9-1990 và số 1/TT-LB ngày 9-1-1991 của Liên Bộ Lao động Thương binh và xã hội - Tài chính hướng dẫn thi hành các quyết định số 319-HĐBT ngày 4-9-1990 và số 449-HĐBT ngày 31-12-1990 của Hội đồng Bộ trưởng.

Khoản trợ cấp 40% trước và 15% lần này không được cộng vào lương cấp bậc (chức vụ) trợ cấp chính, sinh hoạt phí, học bổng để tính các khoản phụ cấp khác.

Các lực lượng vũ trang có Thông tư hướng dẫn riêng.

2. Mức trợ cấp: Các đối tượng nêu tại điểm 1 nói trên ngoài mức trợ cấp 40% hiện hưởng, từ 1-5-1991 hằng tháng được hưởng trợ cấp thêm 15% lương chức vụ (hoặc cấp bậc), lương hưu, lương hoặc trợ cấp trả theo chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp chính, trợ cấp lần đầu khi về nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, sinh hoạt phí, trợ cấp thôi việc v.v... đã được tính lại theo quyết định số 203-HĐBT ngày 28-12-1988 của Hội đồng Bộ trưởng.

Các đối tượng nói trên khi tính mức trợ cấp 15% mà không đủ 4.000 đồng/tháng thì được bù cho đủ 4.000 đ/tháng (phụ lục kèm theo).

Khoản trợ cấp này được ghi vào chương, loại, khoản, hạng tương ứng, mục 70 của mục lục Ngân sách Nhà nước hiện hành.

3. Thân nhân liệt sĩ, người có công giúp đỡ Cách mạng hưởng sinh hoạt phí nuôi dưỡng; người phục vụ thương binh hạng 1/4 hoặc bệnh binh hạng 1/3 (nếu có) hưởng mức trợ cấp bằng 22.500 đồng/tháng cộng với trợ cấp 40% (theo công điện số 11/CĐ ngày 7-2-1991 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội) cũng thuộc diện được trợ cấp theo quy định tại Thông tư này.

4. Đối với công nhân, viên chức khu vực sản xuất kinh doanh, khoản trợ cấp này chỉ được áp dụng khi giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thôi việc và hạch toán vào giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông.

5. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ 1-5-1991. Đối với những trường hợp di chuyển chỗ ở, nếu ngày ký giấy chuyển đi trước ngày 1-5-1991 thì đơn vị mới tiếp nhận chi trả khoản trợ cấp theo quy định trên. Nếu ngày ký giấy di chuyển sau ngày 1-5-1991 thì đơn vị cũ cấp giấy di chuyển phải thanh toán khoản trợ cấp này của tháng 5-1991 cho đương sự.

Ở những nơi đã tự quy định mức trợ cấp thêm cao hơn quyết định của Hội đồng Bộ trưởng đều phải rút xuống cho bằng mức trợ cấp của Quyết định này. Ngân sách Nhà nước chỉ thanh quyết toán quỹ lương, quỹ trợ cấp của các đối tượng trên theo mức quy định tại điều 1 quyết định số 129-HĐBT ngày 20-4-1991 của Hội đồng Bộ trưởng.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì, đề nghị các Bộ, Ngành, địa phương phản ánh về Liên Bộ để nghiên cứu giải quyết.

PHỤ LỤC

MỨC TRỢ CẤP HOẶC SINH HOẠT PHÍ HÀNG THÁNG
CỦA MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
*(Ban hành kèm theo thông tư số 3/TT-LB, ngày 29-4-1991
của Liên bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính)*

Đối tượng	Mức trợ cấp đang hưởng 1 tháng	Trợ cấp thêm (Theo QĐ 129/HĐBT) ³	Mức trợ cấp mới từ 1-5-
-----------	--------------------------------	--	-------------------------

			1991 1 tháng
A	1	2	3=(1+2)
1- Trợ cấp thương tật của thương binh và trợ cấp của bệnh binh hưởng sinh hoạt phí theo mức ấn			
+ Thương binh loại A:			
- Hạng 1/4:			
+ Sống ở gia đình hoặc ở khu điều dưỡng thương bệnh binh	35.794 đ	4.000 đ ³	39.794 đ
+ Đang công tác hoặc hưởng lương hưu	10.738	4.000	14.738
- Hạng 2/4:			
+ Sống ở gia đình	25.058	4.000	29.058
+ Đang công tác hoặc hưởng lương hưu	7.515	4.000	11.515
- Hạng 3/4:			
+ Sống ở gia đình	17.896	4.000	21.896
+ Đang công tác hoặc hưởng lương hưu	5.369	4.000	9.369
- Hạng 4/4:			
+ Sống ở gia đình	7.158	4.000	11.158
+ Đang công tác hoặc hưởng lương hưu	2.146	4.000	6.146
+ Thương binh loại B và bệnh binh			
- Thương binh 1/4 và bệnh binh 1/3:			
- Sống ở gia đình hoặc khu điều dưỡng	28.634	4.000	32.634